

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HS-ST  
Ngày 10 – 5 – 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Hoài Ân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thanh Liêm.

Ông Nguyễn Văn Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Châu Văn T, sinh năm 1975 tại huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp Tân H, xã Phong Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn Th và bà Phan Thị Đ; vợ là Nguyễn Thị Đ1, con: 03 người; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt, tạm giam từ ngày 03/12/2020 cho đến nay (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Huỳnh Công D, là Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Công D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau bào chữa cho Châu Văn Thành (có mặt).

*Bị hại:* Anh Tô Vũ P, sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp 1, xã Tác V, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Châu Văn Th là cha đẻ của Châu Văn T có 02 phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Thứ gồm thửa đất số 284, tờ bản đồ số 6 có diện tích 16.573m<sup>2</sup>, loại đất nuôi trồng thủy sản, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 331844 vào ngày 10/02/2020 và thửa đất số 264, tờ bản đồ số 6 có diện tích 826m<sup>2</sup>, loại đất nuôi trồng thủy sản, được UBND huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 485690 vào ngày 24/4/2014. Cả hai thửa đất này đều tọa lạc tại ấp Tân H, xã Phong Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, thửa đất số 284 nêu trên, ông Th đã thế chấp vay số tiền 480.000.000đ của ông Lê Văn N vào ngày 02/3/2020 thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được công chứng chứng thực có T ký tên trong hợp đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chỉnh lý sang tên ông N.

Ngày 07/5/2020, T thỏa thuận với anh Tô Vũ P thế chấp hai thửa đất nêu trên để vay số tiền 300.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích để làm vốn nuôi tôm công nghiệp. Sau khi xem xét giấy tờ và đến phần đất để xem, anh P yêu cầu T phải làm thủ tục sang tên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên ông Th sang tên Th thì mới đồng ý thế chấp. Do cần tiền, T nảy sinh ý định làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho anh P bằng cách sử dụng vào trang mạng xã hội facebook tìm hiểu và quen được người tên Tuấn (không rõ họ tên, địa chỉ) là đối tượng có nhận làm giấy tờ giả nên nhờ Tuấn làm giả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên T thì Tuấn nhận làm với giá là 5.000.000đ. Sau đó, Tuấn yêu cầu T chụp hình hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần làm giả và chụp hình giấy chứng minh nhân dân của T gửi cho Tuấn, T đồng ý.

Ngày 16/5/2020, Tuấn làm xong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của 02 thửa đất nêu trên đứng tên Châu Văn T và gửi qua dịch vụ chuyển fax nhanh cho T. Khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, T thanh toán số tiền 5.000.000đ cho nhân viên chuyển fax nhanh thông qua hình thức thu hộ.

Ngày 18/5/2020, T báo cho anh P biết đã làm thủ tục sang tên hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong và chụp hình gửi qua Zalo cho anh P xem, nên anh P đồng ý và hẹn thành mang giấy tờ lên thành phố Cà Mau để làm thủ tục vay tiền.

Ngày 21/5/2020, T gặp anh P tại Văn phòng công chứng Trần Mai Hương ở khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mục đích làm hợp đồng để đảm bảo cho việc trả nợ, thực tế không có chuyển nhượng thật), người đứng tên bên nhận chuyển nhượng là bà Võ Thị Lan nhưng tại thời điểm này, bà Lan điện thoại thông báo cho anh P biết bà không rút tiền kịp nên không thể cho T vay và cũng không có mặt tại Văn phòng công chứng. Do thấy việc thế chấp có lời, anh P trực tiếp thỏa thuận với T sẽ đứng ra cho T vay, T đồng ý. Trong lúc soạn thảo hợp đồng, Công chứng viên kiểm tra giấy tờ thì phát hiện hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất nêu trên là giả nên trình báo Công an. Sau đó, Công an đến mời T về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 485690 cấp ngày 24/4/2014 cho ông Châu Văn Th, sinh năm 1948, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 6 với diện tích 826m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Tân H, xã Phong Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 485690 cấp ngày 10/02/2020 cho Châu Văn T, sinh năm 1975, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 6 với diện tích 826m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Tân H, xã Phong Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 331844 cấp ngày 10/02/2020 cho Châu Văn T, sinh năm 1975, thửa đất số 284, tờ bản đồ số 6 với diện tích 16.573m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Tân H, xã Phong Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; 04 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Châu Văn T với bà Võ Thị Lan do Văn phòng công chứng Trần Mai Hương soạn thảo ngày 21/5/2020 nhưng chưa được công chứng chứng thực.

Tại kết luận giám định số: 155/GĐ-PC09 ngày 30/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

1. **“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”** số BR 485690, họ và tên Châu Văn T, ngày 20/02/2020 (ký hiệu A1) là giả.

2. **“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”** số CU 331844, họ và tên Châu Văn T, ngày 20/02/2020 (ký hiệu A2) là giả.

3. Chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên Nguyễn Công Nhân, dưới mục **“Phó giám đốc”** trên **“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”** số BR 485690, họ và tên Châu Văn T, ngày 20/02/2020; **“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”** số CU 331844, họ và tên Châu Văn T, ngày 20/02/2020 so với 06 chữ ký mẫu của ông Nguyễn Công Nhân trên **“BIÊN BẢN V/v thu mẫu chữ ký, chữ viết”** ngày 16/6/2020 là **không phải do cùng một người ký ra**.

4. Hình dấu tròn màu đỏ, dưới mục **“Phó giám đốc”** trên **“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”** số BR 485690, họ và tên Châu Văn T, ngày 20/02/2020; **“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”** số CU 331844, họ và tên Châu Văn T, ngày 20/02/2020 **không phải** do con dấu có hình dấu mẫu trên **“BIÊN BẢN V/v thu mẫu hình dấu”** ngày 17/6/2020 **đóng ra**.

*Quá trình điều tra:* Châu Văn T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Riêng anh P cũng thừa nhận, do bà Lan không rút tiền kịp nên không đến Văn phòng công chứng để ký hợp đồng cho T vay tiền. Vì vậy, anh trực tiếp đứng ra thỏa thuận cho T vay số tiền 300.000.000đ, nhưng anh chưa giao tiền cũng chưa ký tên vào hợp đồng thì phát hiện sự việc nêu trên nên chưa bị thiệt hại gì về tài sản và anh không đặt ra yêu gì đối với T.

Tại Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã truy tố bị cáo Châu Văn T về các tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**, **“Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”** theo

quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Tại phiên tòa:*

- *Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:* Với hành vi bị cáo đã thực hiện và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo Châu Văn T là đúng, không oan sai nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, từ 08 năm 03 tháng đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại chưa bị thiệt hại nên không đề cập xem xét; Về vật chứng của vụ án, không có nên không đặt ra xử lý; Đối với tên Tuấn do không xác định được nhân thân, địa chỉ nên không tiến hành làm việc được nên giao Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

- *Bị cáo trình bày lời bào chữa:* Bị cáo thừa nhận lời khai trong quá trình điều tra là do tự nguyện bị cáo khai, không bị ép buộc hay bị bức cung hoặc dùng nhục hình. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên. Bị cáo đã nhận được thông báo về kết luận giám định, Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và thống nhất với nội dung kết luận giám định, Cáo trạng của Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến gì khác nhưng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Người bào chữa của bị cáo phát biểu lời bào chữa:* Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo T và xác định việc truy tố hành vi của bị cáo T là không oan, sai. Tuy nhiên, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo có nhân thân tốt (chưa tiền án, tiền sự), chưa gây thiệt hại, bản thân bị cáo xuất thân là dân lao động nghèo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Hơn nữa, bị cáo có con nhỏ mới 07 tháng tuổi, bị cáo lại là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đối với bị hại đã được triệu tập hợp lệ song vắng mặt không rõ lý do nhưng quá trình điều tra, bị hại không yêu cầu gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo Châu Văn T và anh Tô Vũ P không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xuất phát từ nhu cầu cần tiền làm vốn để nuôi tôm công nghiệp nên vào khoảng tháng 5/2020, bị cáo T đã thuê đối tượng tên Tuấn (không rõ họ, địa chỉ) trên mạng xã hội facebook là giả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 6 có diện tích 16.573m<sup>2</sup>, loại đất nuôi trồng thủy sản đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 331844 vào ngày 10/02/2020 cho ông Châu Văn Th và thửa đất số 264, tờ bản đồ số 6 có diện tích 826m<sup>2</sup>, loại đất nuôi trồng thủy sản đã được UBND huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 485690 vào ngày 24/4/2014 cho ông Châu Văn Th sang tên bị cáo T với giá 5.000.000đ nhằm mục đích mang đi thế chấp cho anh P để vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên, trong quá trình soạn thảo hợp đồng, kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên, Công chứng viên phát hiện hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo mang đến làm thủ tục thế chấp cho anh P là giả nên trình báo Cơ quan Công an. Vì vậy, bị cáo không thực hiện được giao dịch và chưa nhận được tiền từ anh P.

[2.1] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết các thửa đất số 284, 264 đã được Cơ quan hành chính nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Châu Văn Th và thửa đất số 284 đã được ông Th thế chấp vay tiền của ông Lê Văn N nhưng vẫn thỏa thuận thế chấp hai thửa đất này để vay tiền của anh P mà không được sự đồng ý của ông Th, ông N. Để vay được tiền, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối là thuê người làm giả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất nêu trên và đứng tên của bị cáo trên hai giấy này. Khi có được hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo đã liên lạc và chụp ảnh hai giấy chứng nhận gửi cho anh P xem nhằm làm cho anh P tin các tài sản này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo để anh P cho vay tiền. Thực tế, anh P không biết hai giấy chứng nhận trên do bị cáo làm giả đã đồng ý nhận thế chấp, cho bị cáo vay tiền nhưng hành vi của bị cáo bị Công chứng viên phát hiện, nên anh P chưa giao tiền cho bị cáo.

[2.2] Hành vi nêu trên của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về sử dụng con dấu, giấy tờ, tài liệu của cơ quan Nhà nước. Đồng thời, bị cáo sử dụng chính giấy tờ, tài liệu giả để thực hiện hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh P, việc bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền của anh P là do nguyên nhân ngoài ý muốn. Do đó, hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự) và thành thật khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng các tình tiết trên là tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là có căn cứ. Việc người bào chữa của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo xuất thân là dân lao động nghèo, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo có con nhỏ mới 07 tháng tuổi và là lao động chính trong gia đình; hành vi của bị cáo chưa gây thiệt hại theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa đủ cơ sở để chấp nhận bởi lẽ bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh P, việc bị cáo chưa lấy được tiền của anh P là nguyên nhân khách quan, nằm ngoài dự liệu và ý thức của bị cáo, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” trong trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự cho nên, dù bị cáo có lấy hay không lấy được tài sản vẫn không xem xét áp dụng tình tiết phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại còn các tình tiết giảm nhẹ khác mà người bào chữa đề nghị tại phiên tòa, do bị cáo và người bào chữa không cung cấp được giấy tờ, tài liệu để chứng minh nên không được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự, anh P chưa bị thiệt hại về tài sản nên không yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 485690 cấp ngày 10/02/2020 cho Châu Văn T, sinh năm 1975, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 6 với diện tích 826m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Tân H, xã Phong Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 331844 cấp ngày 10/02/2020 cho Châu Văn T, sinh năm 1975, thửa đất số 284, tờ bản đồ số 6 với diện tích 16.573m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Tân H, xã Phong Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; 04 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Châu Văn T với bà Võ Thị Lan do Văn phòng công chứng Trần Mai Hương soạn thảo ngày 21/5/2020 nhưng chưa được công chứng. Các vật chứng nêu trên đã được đưa trực tiếp vào hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý, riêng tài sản còn lại khác đã được xử lý trong quá trình điều tra, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tố tụng, anh Tô Vũ Pg đã được triệu tập hợp lệ song vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nhưng quá trình điều tra đã có lời khai và anh P không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của anh P không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, người bào chữa cùng bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt anh P nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đối với đối tượng tên Tuấn do không xác định được nhân thân, địa chỉ nên quá trình điều tra không tiến hành mời làm việc được và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tách ra, giao Cơ quan Cảnh sát điều tra điều tra Công an thành phố Cà Mau tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Châu Văn T phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Châu Văn T 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2020.

- Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND Tp.Cà Mau; VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp.Cà Mau;
- Cơ quan THA hình sự Tp.Cà Mau;
- Cơ quan thi hành án dân sự Tp.Cà Mau;
- Nhà tạm giữ CATp.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Lâm Hoài Ân**